

Sợi Dây Chuyện Tượng Phật

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Một buổi sáng trời mưa lất phất, mẹ và ba anh em tôi – *thằng Gái* (tên ở nhà của Quang) lên mười, *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi) lên sáu, và Sang lên ba – gạt nước mắt từ giã ông nội và rời làng quê Quảng Bình. Nội nhất định không rời quê cha đất tổ và ở lại để “giữ gìn mồ mả tổ tiên.” Mẹ ẵm Sang, *thằng Gái* xách chiếc giỏ mẹ dùng đi chợ trong đựng thức ăn, và tôi tay không lẽo đẽo theo sau. Cái rương nhỏ đựng áo quần đã được anh Đồng anh họ tôi mang đi trước. Đây là lần duy nhất trong đời tôi phải đi bộ lâu và xa đến như thế. Chỉ sau một tiếng đồng hồ, đôi chân tôi mỏi nhừ, bàn chân phải hời trước bị thương trở nên nhức nhối, và tôi khập khiễng bước chậm lại. Lưng cồng Sang, tay xách giỏ đồ ăn để *thằng Gái* rảnh tay dìu tôi, mặt đỏ gay, và mồ hôi lấm tấm trên trán, mẹ mệt lả – tôi biết – nhưng vẫn luôn miệng khuyến khích tôi,

“Gần tới rồi con, ráng lên kéo trẽ tàu.”

Dưới ánh nắng chói chang, tôi cắn răng chịu đau và kéo lê thân hình bước tới. Con đường tới tàu “há mồm” di cư vào Nam sao mà dài bất tận. Lên tàu tôi mệt đừ nằm lăn ra ngủ một lèo đến sáng hôm sau, khi tàu cập bến Đà Nẵng. Dân di cư được đón tiếp bởi nhiều người thành thị ăn mặc khác hẳn với người làng tôi và nói tiếng địa phương *chô choa* (“chu cha”) nghe như tiếng ngoại quốc. Mọi người lên xe *Giem-Xê* (GMC, đọc theo tiếng Pháp) vận tải nhà binh về trại tạm cư là ngôi trường học có một số phòng rộng. Mỗi gia đình được cấp phát mền chiếu để ngủ và gạo và nước mắm để nấu ăn. Đêm đầu, lần đầu tiên ngủ trên sàn nhà, tôi “lạ giường” và “lạ nhà” thao thức cả buổi tối, cố nằm yên, và nửa đêm mở mắt thấy mẹ nằm ôm Sang vào lòng khóc thút thít.

Gia đình người làng Hoàn Lão huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình nằm ở chiếu bên cạnh gồm ông cụ trạc tuổi nội, thiếu phụ khoảng tuổi mẹ là con gái cụ, và đứa cháu gái cụ tên Dương xuyết xoát tuổi *thằng Gái*. Dương làm quen dạy tôi chơi đánh thẻ, trò chơi con gái dùng mười chiếc đĩa gọi là thẻ và trái banh nhỏ để thầy bắt. *Thằng Gái* làm lý nhìn chúng tôi chơi và kín đáo theo dõi một thanh niên tên Viện ngủ ở chiếu kế tiếp. Anh không có thân nhân, ăn mặc khá tươm tất, và ân cần thăm hỏi mọi người, nhưng nói tiếng khó nghe, không giống tiếng tỉnh tôi.

Ông cụ Hoàn Lão nhớ nhà nhớ quê nhớ bà con thân thuộc nên khóc lóc, trách con gái đã khiến cụ lìa bỏ quê hương làng nước đi tha phương cầu thực nơi đất khách quê người, và chửi rủa anh con rể đi lính xa bỏ bê vợ con khiến cụ phải gánh chịu khổ sở. Thiếu phụ hết khuyên giải lại năn nỉ cụ nhưng vô hiệu, trong lúc Viện to nhỏ bên tai cụ ra vẻ ý hợp tâm đầu.

Một buổi tối nhân lúc ông cụ Hoàn Lão khóc lớn tiếng, Viện kéo cụ ra giữa phòng và đứng ra hô hào mọi người trở về quê cũ “hưởng độc lập, tự do, và hạnh phúc” và nhất là “đừng nghe lời Mỹ - Diệm cho ăn bánh vẽ.” Anh nói thao thao khiến cho ai nấy đều hoang mang, và ông cụ hối thúc con gái sửa soạn hồi hương. Anh giục giã,

“Bà con mau mau rời khỏi đây. Ra ngoài kia sẽ có ‘nhân dân’ đón tiếp đưa về quê quán; bà con ở đâu về lại nơi đó.”

Giữa lúc ấy, *thằng Gái* mạnh dạn bước ra chỉ mặt Viện,

“Bà con đừng nghe lời *thằng ni*. *Hấn* là cán bộ *Vệ*m chứ không phải người di cư mình. Bà con coi đây.”

“*Vệ*m” là do cách đọc “VM” tức là Việt Minh. Anh tôi tới chiều của Viện mở tung chiếc ba lô chứa truyền đơn mang cờ đỏ sao vàng. Vài thanh niên xúm lại xem xét, và khi họ quay lại định hỏi tội thì Viện đã cao bay xa chạy. Biến cố này khiến mẹ quyết định rời trại tạm cư và hôm sau, giao tôi và Sang cho *thằng Gái* trông nom để mẹ đi kiếm nơi tá túc. Buổi chiều, mẹ trở về trên chiếc xe *đốt-cát* (Dodge 4x4, đọc theo tiếng Pháp) nhà binh do *dượng Tụng* cầm lái. *O Nậm* vợ *dượng Tụng* là em họ của cha và theo *dượng* rời làng đã lâu. *Dượng* làm trung sĩ Công binh đóng đồn ở Đà Nẵng, *o dượng* và hai cô con gái nhỏ ở trong trại gia binh, và chúng tôi sẽ ở nhờ nhà *o dượng* trong lúc đợi tin cha.

Khi chia tay, *Dương* mở sợi dây chuyền tượng Phật đeo trên cổ đưa tặng *thằng Gái*, “Mai một lớn *mi* muốn lấy *tau*, *tau* ưng liền.” Anh cầm sợi dây chuyền nhìn mẹ, mẹ khẽ lắc đầu; anh lúng túng trả lại,

“*Tau* đi học tên là Quang, *mi* biết không?”

“Nhớ rồi. *Tau* chờ *mi* tới hết năm 20 tuổi; gái Hoàn Lão nói là nhớ đời,” *Dương* mím môi.

* * *

Gánh vác trách nhiệm người đàn ông của gia đình, Quang giúp mẹ quyết định việc học hành của các em cũng như nơi ăn chốn ở cho cả nhà, trong khi cha như người khách lạ, lâu lâu xuất hiện nã tiền mẹ và gây sóng gió rồi đi. Khi gia đình về Huế, thấy mình học trễ, anh quyết định *băng* (học nhảy) đệ thất (lớp 6) lên thẳng đệ lục (lớp 7). Sau đó, cuối năm đệ tứ (lớp 9) anh bị ốm gần hai tháng liền nên khi so sánh với tôi, anh than là mất căn bản và học hành chật vật. Nhưng Ngọc Liên, bạn học cùng lớp đệ tam (lớp 10) và đệ nhị (lớp 11) với anh ở trường Bán Công Huế, lại tiết lộ,

“Anh học giỏi nhất trường! Từ thầy hiệu trưởng tới mấy giáo sư, ai cũng khen anh thông minh, hiểu rộng, và giỏi ứng biến. Anh nhỏ tuổi nhất lớp, *bé hột tiêu*, nên được thầy kêu là *Le Petit Poucet*.”

Le Petit Poucet (tiếng Pháp là “Ngón tay cái nhỏ”) là một chú bé nhỏ người mà tinh tế, thông minh, và tài trí trong truyện cổ tích cổ điển *Le Petit Poucet* (bản tiếng Việt dịch thành *Chú Bé Tí Hon*) của Charles Perrault (1628 - 1703). Cái danh hiệu ấy thực hợp với Quang. Khi mới nghe lần đầu, tôi ngạc nhiên,

“Anh học giỏi *rứa* mà có thèm nói cho ai biết *mô*!”

“Chị nghe anh khen *Ba Hoa* hoài, nhưng chị nghĩ hai anh em học giỏi như nhau. Mỗi người một cách,” Ngọc Liên khéo léo trả lời.

“Nói *rứa* là Liên chưa biết thằng *Ba Hoa ni*. Mới ngó ngoài mặt tưởng *hẩn* ngu ngu, mà ngó kỹ thì *hẩn* ngu thiệt – ngu hơn ông Einstein!” anh cười lớn.

Mẹ nói Ngọc Liên tuổi Mùi, lớn hơn Quang một tuổi, và là con nhà trâm anh thế phiệt. Từ trên Kim Long, mỗi chiều Chủ Nhật đạp xe xuống nhà tôi thăm viếng, chị nói chuyện với mẹ nhiều hơn với anh tôi. Vẻ đẹp thùy mị, cử chỉ dịu dàng, và tính nết đoan trang của chị đã chinh phục lòng mẹ; mẹ nói với cả nhà,

“Tau chấm con *ni* rồi. Được cả người cả nết, công dung ngôn hạnh vẹn toàn!”

Mùa hè tôi thi đậu Trung học Đệ nhất cấp, mẹ cho tôi theo cậu Há đi Quảng Trị thăm bạn cậu là ông Hải làm sĩ quan như cha. Cậu là em chú bác của mẹ; mỗi khi tôi làm điều gì làm lỗi, mẹ cho “điều lên để cậu xử tội,” và tôi trở thành đứa cháu gần gũi với cậu nhất. Không dè tôi lại gặp lại Dương, cô gái Hoàn Lão ở trại tạm cư; ông Hải là cha chị. Chị cho biết vài ngày sau khi chúng tôi rời trại, ông đến tìm mẹ con chị, ba năm sau ông ngoại chị bị bệnh mất, và nay chị có thêm hai cô em gái nhỏ.

Nhờ tính dạn dĩ của Dương, chúng tôi nối lại tình bạn xưa rất nhanh. Dưới mắt Dương, tôi vẫn là *thằng Bé* tám năm trước; chị dẫn tôi ra chợ Quảng Trị ăn bún bò Huế và kể chuyện học hành và bạn bè ở trường trung học Nguyễn Hoàng, hết hè chị sẽ lên đệ nhị; tôi vốn nhút nhát nên chỉ nghe và ừ hử cho qua chuyện. Chị không hỏi về Quang, nhưng trước khi tôi theo cậu Há ra bến xe về lại Huế, chị đưa cho tôi cái hộp nhỏ đựng nữ trang,

“*Bé* đưa *cấy ni* [cái này] cho Quang giùm mình và nói mình vẫn chờ *eng* [anh].”

Tôi giật nảy người xua tay nhất định không nhận, nhưng chị nhét vội vào túi áo tôi rồi bước nhanh vào nhà. Trên xe trên đường về, để khỏi bị cậu Há hạch hỏi, tôi giả vờ nhắm mắt ngủ và nặn óc suy nghĩ làm sao cất giấu sợi dây chuyền mà không bị khám phá ra. Tôi biết chắc nếu đưa nó và chuyển lời chị cho Quang, tôi sẽ không được yên thân với anh rất lâu.

* * *

Mùa hè 1963, Quang đậu Tú tài II hay Tú tài Toàn phần. Mẹ mở buổi tiệc đãi bà con họ hàng mừng anh thi đậu. Tiệc xong, khách khứa về hết, chỉ còn cậu Há; mẹ gọi anh ngồi vào bàn,

“Con là chim đầu đàn trong gia đình và người đầu tiên trong họ đậu bằng Toàn phần. *Chừ* phải lo chuyện tương lai.”

“Chị nhờ *tau* viết thư bàn với cha *mi* và hỏi ý kiến vài người khác. Ai cũng nói Huế *chừ* thiếu nhà thuốc Tây, *mi* nên học dược là ngành có thu nhập cao để phụ giúp mẹ *mi* nuôi nấng *em tam* [em út]. Điều kiện nhập học trường Đại học Dược khoa Sài Gòn tương đối dễ dàng: chỉ cần có một dược phòng nhận làm *stage* [tiếng Pháp là tập sự] trong lúc học. Chú con Liên là dược sĩ có nhà thuốc trên đường Lê Lợi Sài Gòn và sẵn sàng nhận *mi*,” cậu Há tiếp lời mẹ.

“Cám ơn mẹ và cậu đã khổ công lo cho con. Nhưng chín năm qua, từ ngày bước chân lên tàu di cư vô Nam, con đã nuôi mộng trở về giải phóng quê hương và trả thù cho nội đã bị *hẩn* dã man đả tố và sát hại để cướp đoạt tài sản ruộng vườn. Nợ nước, thù nhà; làm *răng* con yên phận sống đời dân sự bình thường?” Quang đưa ra tờ lệnh gọi nhập ngũ, “Con đã được

trường Võ bị Quốc gia thu nhận và đã hoàn tất thủ tục khám sức khỏe. Thứ Hai con trình diện Tiểu khu Thừa Thiên, và họ sẽ cung cấp phương tiện di chuyển lên Đà Lạt để vào trường võ bị.”

Cuối hè năm 1970, chàng cựu sinh viên sĩ quan Võ bị Quốc gia khóa 20 mang cấp bậc đại úy chỉ huy toán thám báo gồm năm “thằng đệ tử” chuyên hoạt động trong lòng địch ở vùng Cao nguyên đã được hơn hai năm. Toán thám báo có nhiệm vụ dò tìm căn cứ đóng quân, kho hậu cần, và đường chuyển quân của Cộng quân để báo cáo về đại quân là Sư đoàn XX Bộ binh. Người ta nói xác suất tử vong mỗi năm của người lính thám báo cao hơn 50 phần trăm. Quang đã sống sót qua hết năm thứ hai. Rốt cuộc tin dữ đến: Sau khi hoàn thành sứ mạng, trên đường về, toán thám báo bất ngờ bị địch phát giác và sát hại.

Tiền đưa anh lần cuối vào một buổi sáng đầu thu lạnh của núi rừng Ban Mê Thuột, Ngọc Liên chị dâu tôi rũ người khóc sướt mướt trên vai mẹ. Ra đi để lại ba đứa con thơ dại, anh mãi là người anh hùng của trong lòng chị. Và suốt đời tôi.

* * *

Mùa hè đỏ lửa 1972, sau khi Thủy quân Lục chiến Việt nam Cộng hòa tái chiếm Cổ thành Quảng Trị và tình hình miền Trung tạm yên ổn trở lại, cậu Há từ Đà Nẵng vào Sài Gòn thăm bạn bè. Lúc này tôi đã tốt nghiệp kỹ sư và dạy học ở Sài Gòn. Tôi đến thăm cậu ở nhà bạn cậu trên đường Yên Đổ. Cậu cháu gặp nhau mừng rỡ và kể cho nhau đủ thứ chuyện mới cũ trong gần chín năm không gặp. Đợi đến lúc tôi gần ra về, cậu long trọng nắm tay tôi, giọng xúc động,

“Cậu báo tin cho *mi* tin buồn là con Dương mất rồi.”

“Thật sao cậu? Mất lúc nào, làm sao?” tôi la lên thất thanh khi bất ngờ nghe tin người bạn cũ đã ra đi.

“Thằng Hải mới cho cậu biết vợ con *hắn* bốn mạng bị Việt Cộng pháo kích chết trên đường di tản từ Quảng Trị vô Huế. Đoạn đường *nó* bị kêu là ‘Đại lộ Kinh hoàng’ vì tụi Việt Cộng man rợ nhả tâm nã hàng trăm trận mưa pháo lên đầu dân lành vô tội. Người mình chết vô số. Chỉ vì họ chạy trốn tụi *hắn*. Cậu thành thực chia buồn với *mi*. Con Dương không còn sống để đợi *mi* như lời ước hẹn.”

Thì ra lúc rời nhà ông Hải ở Quảng Trị, cậu Há trông thấy Dương đưa cho tôi sợi dây chuyền, nhưng nghe tiếng được tiếng mất nên tưởng lầm chị tặng tôi và hứa sẽ chờ tôi. Có lẽ vì vậy mà cậu cất công vào Sài Gòn báo tin buồn cho tôi. Tôi lặng người, nhưng không cải chánh. Chị và Quang đều đã khuất, cậu nghĩ làm cũng không hề gì.

Từ đó, tôi luôn luôn đeo sợi dây chuyền tượng Phật của Dương. Và không nói cho ai biết tại sao.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 23 tháng Mười, 2024